

**TÀI LIỆU 1**

**Đánh giá tác động của việc ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào từ ngày 01/12/2022 đến ngày 04/10/2023**

*(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài chính)*

**1. Đánh giá tổng thể**

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu cầu sau:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào (sau đây gọi là Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Lào) nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam và Lào.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Thương mại.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Lào và không trái với Hiệp định

ATIGA cũng như các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

## **2. Việc ban hành các văn bản của Bộ Tài chính để thực hiện Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Lào trong thời gian qua**

Ngày 03/3/2015, Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Công Thương Lào đã ký Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Lào tại thủ đô Viêng-Chăn. Hiệp định được ký nhằm tăng cường, củng cố mối quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào, đồng thời thúc đẩy tiếp cận thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và tạo sự kết nối phát triển ổn định, bền vững và lâu giữa hai nước. Hiệp định có hiệu lực trong năm (5) năm kể từ ngày có hiệu lực và sẽ được tự động gia hạn với thời hạn 3 năm mỗi khi hết hiệu lực.

Để thực hiện cam kết về thuế nhập khẩu tại HĐTM Việt Nam – Lào, Bộ Tài chính đã chủ trì trình Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 90/2021/NĐ-CP ngày 19/10/2021 về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thực hiện trong thời gian 5 năm từ ngày 4/10/2020 đến ngày 4/10/2023

## **3. Đánh giá tình hình thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào**

Về kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Lào, thống kê hải quan cho thấy, số liệu nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt 465,14 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu năm 2019 đạt 461,7 triệu USD, tăng 5,6% so với năm 2018 đạt 437 triệu USD. Trong đó, tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu S năm 2018 chiếm 38,7% và năm 2019 là 28,87%. Kim ngạch nhập khẩu năm 2020 đạt 457,8 triệu USD giảm 0,9% so với năm 2019, tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu S là 20%. Kim ngạch nhập khẩu năm 2021 đạt 467,9 triệu USD, tăng 2,2% so với năm 2020, tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu S là 1,9%. Trên cơ sở số liệu tỷ lệ áp dụng C/O Mẫu S trong tổng kim ngạch nhập khẩu cho thấy việc tận dụng ưu đãi đặc biệt của Hiệp định đang giảm so với các FTA đang thực hiện của Việt Nam (tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu S trung bình giai đoạn 2018 - 2022 là 22,2%). Theo số liệu về kim ngạch nhập khẩu theo Mẫu S năm 2021 giảm mạnh chỉ chiếm khoảng 1,9% do kim ngạch nhập khẩu theo Mẫu D của ATIGA chiếm 59,5% tăng 45,61% so với năm 2020 tỷ lệ tận dụng Mẫu D là 40,8%.

Trong năm 2021, Việt Nam nhập khẩu gần 467,98 triệu USD từ Lào, chiếm 0,4% tổng kim ngạch nhập khẩu thế giới, tuy nhiên kim ngạch nhập khẩu theo Mẫu S đã giảm mạnh còn 8,9 triệu USD, chỉ chiếm 1,9% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Lào.

Bảng 1: Các nhóm mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn từ Lào

*Đơn vị: triệu USD*

STT	Nhóm mặt hàng	KNNK năm 2021
1	Hàng hóa khác	158,4
2	Gỗ	107,9
3	Cao su	107,3
4	Quặng và khoáng sản khác	85,3
5	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	2,9
6	Giấy các loại	1,9
7	Hàng điện gia dụng và linh kiện	1,7
8	Kim loại thường khác	6,6

Các nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tận dụng được ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào bao gồm các loại Hàng hóa khác và Cao su.

Bảng 2: Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào

*Đơn vị: triệu USD*

STT	Nhóm mặt hàng	KNNK năm 2018	KNNK năm 2019	KNNK năm 2020	KNNK năm 2021
1	Hàng hóa khác	115,9	71,9	58,5	8,9
2	Cao su	32,4	48,3	26,5	0

Kim ngạch nhập khẩu theo Mẫu S đều giảm dần theo các năm từ năm 2018 đến năm 2021, đặc biệt là đối với mặt hàng Cao su là mặt hàng tận dụng ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào, năm 2021 không ghi nhận KNNK theo Mẫu S. Mặt hàng Cao su nhập khẩu từ Lào năm 2021, chủ yếu tận dụng ưu đãi theo Mẫu D của Hiệp định ATIGA, đạt 104,1 triệu USD.

Về số thu thuế nhập khẩu theo C/O Mẫu S, số thu của Việt Nam giai đoạn 2018 - 2021 đạt mức trung bình khoảng 632,7 triệu VND. Trong đó, năm 2018 không ghi nhận số thu thuế nhập khẩu theo C/O Mẫu S theo Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào, năm 2019 số thu đạt 85,7 triệu VND, mặt hàng nhập khẩu chính là Cao su; năm 2020 số thu tăng đạt 765,2 triệu VND, do nhập khẩu mặt hàng: Đường mía khác, đường tinh luyện và lúa gạo với thuế suất 2,5% (đây là các mặt hàng thuộc Phụ lục I của Nghị định 90/2021/NĐ-CP được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế suất của Hiệp định ATIGA). Năm 2021, số thu tăng đột biến, đạt 1,6 tỷ VND, mặt hàng nhập khẩu là đường tinh luyện và lúa gạo với thuế suất 2,5%.

#### 4. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế

Do biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Tuy nhiên, do tác động của việc nhập dòng thuế, nguyên tắc tuân thủ các Hướng dẫn chuyển đổi của các Ủy ban thực thi Hiệp định, một số dòng thuế sau khi nhập dòng có mức thuế suất thấp hơn so với Nghị định 90/2021/NĐ-CP, đồng thời việc phân mã và mô tả hàng hoá theo AHTN 2022 đòi hỏi chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số để bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định.

Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 90/2021/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

Danh mục AHTN 2022 cấu trúc lại một số nhóm hàng, phân nhóm hàng, chi tiết thêm một số dòng hàng mới, những thay đổi này mục đích là để phù hợp với sự phát triển công nghệ và trao đổi thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết theo các công ước, hiệp ước nhằm bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh thế giới, kiểm soát hóa chất, vũ khí độc hại... về cơ bản những thay đổi này không ảnh hưởng đến chính sách quản lý thuế hiện hành. Đối với các mặt hàng mới và dòng hàng bị gộp từ nhiều dòng thuế có sự khác biệt về thuế suất và lộ trình cam kết cắt giảm thuế quan, Bộ Tài chính đã rà soát các cam kết gốc và thực hiện theo nguyên tắc chuyển đổi (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Tờ trình Chính phủ) trong quá trình xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào từ ngày 04 tháng 10 năm 2020 đến ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Danh mục AHTN 2022 để đảm bảo không ảnh hưởng đến thu ngân sách và các chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, chính sách quản lý mặt hàng. Một số nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào theo AHTN 2022 bao gồm: Các nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế Việt Nam - Lào theo AHTN 2022 là Thuốc lá và các chất thay thế lá thuốc lá đã chế biến; sản phẩm, chứa hoặc không chứa nicotine, dùng để hít mà không cần đốt cháy; các sản phẩm khác chứa nicotine dùng để nạp nicotine vào cơ thể con người (Chương 24); Cao su và các sản phẩm bằng cao su (Chương 40). Bộ Tài chính đã tuân thủ các nguyên tắc xây dựng thuế suất đảm bảo lợi ích và bảo lưu cam kết thuế quan của Việt Nam theo Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào.

Tác động tăng/giảm thu ngân sách cho từng giai đoạn cắt giảm thuế quan đã được đánh giá vào thời điểm đàm phán lộ trình giảm thuế khi ký kết các FTA, đồng thời cũng được đánh giá tổng thể trong dự toán ngân sách hàng năm.

Việc ban hành Nghị định là quá trình nội luật hóa các cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam trong khung khổ HDTM song phương Việt Nam – Lào vừa được gia hạn và có hiệu lực từ 01/01/2023 đến 31/12/2027. Các mặt hàng đủ điều kiện được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt từ Lào vào Việt Nam sẽ hưởng mức thuế suất thấp hơn so với ATIGA. Như vậy, việc ban hành Nghị định sẽ góp phần củng cố và mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác Việt Nam – Lào, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế thương mại, thu ngân sách nhà nước, đây cũng là những tác động đã được xem xét, đánh giá và là cơ sở quyết định để tiếp tục gia hạn HDTM song phương Việt Nam – Lào.

Việc ban hành Nghị định mới để thực hiện cam kết về thuế nhập khẩu của Việt Nam tại HDTM song phương Việt Nam – Lào giai đoạn 2023-2027 bao gồm cả công tác chuyển đổi các phụ lục 1b, 2b, 3 của Hiệp định từ AHTN 2017 sang AHTN 2022. Do vậy, việc ban hành Nghị định sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện việc khai báo hải quan được dễ dàng, chính xác và tiết kiệm nguồn lực kinh tế.